**Học vần**

**Bài 90: uông, uôc**

(Trang 160)

**I. Yêu cầu cần đạt  
1. Phát triển các năng lực đặc thù - năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết vần uông, uôc.đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có uông, uôc.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần uông, uôc.

-Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Con công lẩn thẩn.* *Trả lời được các câu hỏi đơn giản trong bài. Bước đầu hiểu nội dung bài tập đọc Con công lẩn thẩn*

- Viết đúng các vần uông, uôc.và các tiếng *chuông, đuốc.* (trên bảng con).

**2. Phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Có khả năng cộng tác, chia sẻ với bạn. Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế. HS nghe hiểu và trình bày được yêu cầu nhiệm vụ học tâp. HS phát triển về năng lực văn học thông qua bài tập đọc.

-Hình thành phẩm chất chăm chỉ, chăm học…

**II. Đồ dùng**

- GV: Máy tính

- HS: Bộ ĐDHT, SGK, vở, bảng con, phấn. Vở tập viết.

**III. Hoạt động dạy học**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **1.Khởi động**: 2 HS tiếp nối đọc bài *Hai con ngựa* (2) (bài 89).  **2.Khám phá** \*Dạy vần uông - HS nhận biết uô - ngờ - uông. / Phân tích vần uông (âm uô + âm ng). / Đánh vần, đọc: uô - ngờ - uông / uông. - HS nói: *chuông.* / Phân tích tiếng chuông. / Đánh vần, đọc: chờ - uông - chuông / chuông. - Đánh vần, đọc trơn: uô - ngờ - uông / chờ - uông - chuông / chuông. \*Dạy vần uôc (như vần uông) Đánh vần, đọc trơn: uô - cờ - uôc */* đờ - uôc - đuôc - sắc - đuốc / đuốc. \* Củng cố: HS nói lại 2 vần mới học: uông, uôc, 2 tiếng mới học: chuông, đuốc.  3. Luyện tập 3.1. Mở rộng vốn từ (BT 2: xếp hoa vào hai nhóm) - GV chỉ chữ trên từng bông hoa, HS đọc: *xuồng. thuốc,...* - GV chỉ bông hoa, cả lớp. Tiếng xuồng có vần uông. Tiếng guốc có vần uôc,...  3.2. Tập viết (bảng con BT 4) a) HS đọc: uông, chuông, uôc, đuốc. b) Viết các vần uông, uôc - 1 HS đọc, nói cách viết các vần uông.uôc. - GV quay video viết mẫu, hướng dần. Vân uông viết uô rồi đến ng (chữ g cao 5 li); chú ý viết uô và ng gần nhau. / Làm tương tự với vần uôc. - Cả lớp viết: uông, uôc (2 lần). Viết: chuông, đuốc (như mục b). Chú ý độ cao các con chữ, dấu sắc đặt trên ô (đuốc). - Cả lớp viết: chuông, đuốc.  Tiết 2  3.3. Tập đọc (BT 3) a) GV giới thiệu hình ảnh công đang sà xuống hồ nước. Phía xa, từ bờ bên kia có chú chim cuốc đang nhìn công. Vì sao công lại sà xuống hồ? Vì sao công bị gọi là “lẩn thẩn”? b) GV đọc mẫu. c) Luyện đọc từ ngữ: Giải nghĩa: *lẩn thẩn* (ngớ ngẩn). d) Luyện đọc câu  - GV: Bài có 9 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. e) Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (3/4/2 câu); thi đọc cả bài. g) Tìm hiểu bài đọc - HS đọc từng ý a, b. - HS làm bài; giơ thẻ báo cáo kết quả. GV chốt ý đúng: Ý b. - Cả lớp đọc: Ý b đúng: Con công trong hồ là bóng của con công trên bờ. - GV: Vì sao công bị gọi là “lẩn thẩn”? Vì sao chim cuốc chê công “đẹp mà chẳng khôn”? **4.Củng cố, dặn dò**  -Gọi hs đọc lại bài đã học**.**  - Nhận xét tiết học, tuyên dương.  - Dặn hs về nhà luyện viết và luyện đọc. | -HS đọc bài  -HS lắng nghe -HS phân tích, đánh vần.  -HS đánh vần, đọc trơn HS so sánh hai vần mới học  -HS nói lại vần, tiếng mới học  HS lấy bảng cài vần mới, tiếng mới…  -HS đọc: xuồng, thuốc -HS thực hiện - HS xếp hoa trong VBT (dùng bút nối từng bông hoa với vần tương ứng). - HS nói kết quả. GV giúp nối hoa với vần / dùng kĩ thuật vi tinh xếp hoa.  HS viết bảng con    -HS lắng nghe  -HS luyện đọc: lẩn thẩn, trần gian, ưỡn ngực, sà xuống, biến mất, ngụp lặn, ướt nhẹp, run cầm cập, chim cuốc, gật gù.  Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu cuối) (cá nhân, từng cặp). HS thi đọc…  -Vì công ngu ngốc không nhận ra con chim trong hồ chính là cái bóng của nó, chứ không phải là một con công khác |